

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 06/2019/DS-ST

Ngày 22-11 -2019

*“v/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Mỹ Lệ

2. Bà Tạ Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2019/TLST- DS, ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N;

Địa chỉ: đường L, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N Ông Nguyễn Đức H – Giám đốc Ngân hàng N– Chi nhánh huyện K, tỉnh Gia Lai theo Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N và Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ số 4165/QĐ-NHNo-TCTL ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng N.

Địa chỉ: Tổ dân phố v, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Ông Ksor D, sinh năm 1972 và bà Nay H’P, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Buôn T (buôn D cũ), xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N là ông Nguyễn Đức H trình bày:

Ngày 20 tháng 01 năm 2006, Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) thông qua Chi nhánh huyện K có ký hợp đồng tín dụng với ông Ksor D và bà Nay H'P dưới dạng sổ vay vốn số NA 1414364, theo đó, Ngân hàng cho ông Ksor D và bà Nay H'P vay số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*), với lãi suất thỏa thuận là 14.4%/năm, với mục đích vay là chăn nuôi bò sinh sản và vỗ béo. Theo thỏa thuận thì đến ngày 15/01/2009 ông Ksor D và bà Nay H'P phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Nhưng khi đến hạn, mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông Ksor D và bà Nay H'P không chịu trả.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc ông Ksor D và bà Nay H'P phải trả cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N Chi nhánh huyện K, tỉnh Gia Lai số tiền gốc, tiền lãi là 47.698.630 đồng (*Bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*) tính từ ngày 20/01/2006 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/11/2019, trong đó số nợ gốc là: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), số tiền lãi là 27.698.630 đồng (*Hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*) và số tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

2. Bị đơn ông Ksor D và bà Nay H'P đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông Ksor D và bà Nay H'P cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có bản tự khai, trình bày hay ý kiến do đó Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, trình bày và quan điểm của ông bà về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

3. Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án.

Phần nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm là:

Căn cứ vào chứng cứ là Sổ vay vốn, các tài liệu chứng cứ khác mà nguyên đơn Ngân hàng cung cấp có chữ ký và ghi họ tên, dấu điểm chỉ người vay là ông Ksor D và bà Nay H'P số tiền là 20.000.000 đồng. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định ông Ksor D và bà Nay H'P có nợ Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 20/01/2006 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/11/2019 là 27.698.630 đồng, tổng cộng là 47.698.630 đồng (*Bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*). Từ thời điểm vay tiền đến nay ông Ksor D và bà Nay

H'P chưa trả cho Ngân hàng khoản tiền nào. Mục đích của việc vay tiền là để mua bò sinh sản, vỗ béo, nhưng sau đó khi đến hạn trả nợ ông Ksor D và bà Nay H'P không trả cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Ksor D và bà Nay H'P trả tiền nhiều lần. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ksor D và bà Nay H'P phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ 47.698.630 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên: Áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, áp dụng các Điều 280, 281, 282, 285, 286, 290, 298, 302, 305, 471, 474 và Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ các Điều 90, 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng. Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị HĐXX sơ thẩm, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, buộc ông Ksor D và bà Nay H'P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ là 47.698.630 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông Ksor D và bà Nay H'P phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện bị đơn ông Ksor D và bà Nay H'P có nơi cư trú tại xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn ông Ksor D và bà Nay H'P không đến Tòa án để viết bản tự khai, không tham gia các phiên họp, hòa giải, không tham gia phiên tòa và các hoạt động tố tụng khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc ông Ksor D và bà Nay H'P nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình và gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để quyết định. Ông Ksor D và bà Nay H'P phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng vay tài sản ngày 20/01/2006 giữa ông Ksor D bà Nay H'P với Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K

được ký kết vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực thi hành, nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

[5] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào chứng cứ là Sổ vay vốn, các tài liệu chứng cứ khác có chữ ký ghi rõ họ tên của ông Ksor D điểm chỉ của bà Nay H'P mà nguyên đơn Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có cơ sở để khẳng định: Ngày 20/01/2006, Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N- Chi nhánh huyện K có ký hợp đồng tín dụng dưới dạng sổ vay vốn số NA 1414364 với ông Ksor D, bà Nay H'P vay số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), lãi suất là 14.4%/năm, với mục đích vay: chăn nuôi bò sinh sản và vỗ béo, thời hạn trả nợ gốc và lãi vào ngày 15/01/2009.

Sau khi nhận tiền vay và đến khi hết thời hạn vay, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông Ksor D và bà Nay H'P đã không thanh toán số tiền nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng là đã vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết theo quy định tại các Điều 280, 281, 282, 285, 286, 290, 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005. Cụ thể:

Đối với khoản nợ gốc theo hợp đồng vay tài sản trên thì ông Ksor D và bà Nay H'P vay ngân hàng là 20.000.000 đồng, đến thời điểm xét xử thì chưa trả được khoản tiền nợ gốc nào.

Đối với khoản tiền nợ lãi thì theo hợp đồng ký kết là 14.4%/năm, lãi quá hạn là 18%/năm. Tại đơn khởi kiện thì ngân hàng chỉ yêu cầu tính một mức lãi chung là 14,4%/năm. Tuy nhiên tại phiên tòa thì ngân hàng thay đổi về mức lãi suất chỉ đề nghị Tòa án buộc ông Ksor D và bà Nay H'P trả tiền lãi của số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Như vậy ông Ksor D và bà Nay H'P còn nợ tiền lãi ngân hàng là 27.698.630 đồng. Việc ngân hàng thay đổi yêu cầu tính lãi của số tiền nợ gốc không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên HĐXX chấp nhận.

Xét hợp đồng vay tài sản trên là hợp đồng dân sự được giao kết hợp pháp nên phát sinh có hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng do bị đơn ông Ksor D và bà Nay H'P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Ksor D và bà Nay H'P trả số tiền vay tổng cộng 47.698.630 đồng là có căn cứ.

Do vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Ksor D và bà Nay H'P phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/11/2019 là 27.698.630 đồng (*Hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*) tổng cộng là 47.698.630 đồng (*Bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*).

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn ông Ksor D và bà Nay H'P phải chịu phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

- Áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

- Áp dụng các Điều 280, 281, 282, 285, 286, 290, 298, 302, 305, 471, 474 và Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005,

Căn cứ các Điều 90, 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng,

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Ksor D và bà Nay H'P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N– Chi nhánh huyện K, tỉnh Gia Lai số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 27.698.630 đồng, tổng cộng là 47.698.630 đồng (*Bốn mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

2. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị đơn ông Ksor D và bà Nay H'P phải có nghĩa vụ liên đới nộp 47.698.630 đồng x 5% = 2.384.931 đồng (*Hai triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K, tỉnh Gia Lai toàn bộ số tiền đã tạm nộp án phí trước đây là 1.668.611 đồng (*Một triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm mười một đồng*) theo biên lai thu số 0006123 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/11/2019), còn bị đơn ông Ksor D và bà Nay H'P có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (03 bản);
- Tòa án tỉnh Gia lai (01 bản);
- VKSND h Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS h. Krông Pa (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn